

I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA

- Thu thập thông tin, đánh giá mức độ đạt được của quá trình dạy học so với yêu cầu của chương trình giáo dục 2018, nhằm phát triển năng lực và phẩm chất của người học.

- Nắm bắt khả năng học tập, mức độ phân hóa về học lực của học sinh. Trên cơ sở đó, giáo viên có kế hoạch dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn Ngữ văn.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- Hình thức: Tự luận 100%

III. THIẾT LẬP MA TRẬN, ĐẶC TẢ

1. MA TRẬN

TT	Thành phần năng lực	Mạch nội dung	Số câu	Mức độ nhận thức						Tổng % điểm
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		
				Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	
1	Đọc	Văn bản thơ Hồ Chí Minh.	5	2	15 %	2	20 %	1	5%	
2	Viết	Viết đoạn văn nghị luận văn học(thơ)	1	10%		5%		5%		20%
		Viết bài văn nghị luận xã hội	1	15%		5%		20%		40%
Tỉ lệ				40%		30%		30%		100

Tổng	7	100%	
-------------	----------	-------------	--

2. BẢNG ĐẶC TẢ .

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
I	ĐỌC HIỂU	Văn bản thơ Hồ Chí Minh.	Nhận biết: - Chỉ ra dấu hiệu để nhận biết thể thơ. - Tìm từ ngữ, hình ảnh có trong văn bản. Thông hiểu: - Phân tích tác dụng biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản. - Hiểu được nội dung, nghệ thuật trong văn bản... Vận dụng: - Rút ra được những bài học, thông điệp cho bản thân. - Nêu được quan điểm, nhận thức riêng của cá nhân.	2	2	1	40
II	LÀM VĂN	1. Viết đoạn nghị luận văn học (thơ)	Nhận biết: - Giới thiệu được vấn đề nghị luận. - Đảm bảo cấu trúc của một đoạn văn nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.				20

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
			Thông hiểu: Diễn giải về nội dung của đoạn thơ. Vận dụng: Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để làm rõ vấn đề nghị luận. Vận dụng cao: - Đánh giá được đặc sắc nội dung của đoạn thơ - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt.				
		2. Viết văn bản nghị luận xã hội(vấn đề liên quan đến tuổi trẻ-ứng xử trong GD và XH)	Nhận biết: - Xác định được vấn đề cần nghị luận. - Xác định được cách thức trình bày một văn bản nghị luận xã hội. Thông hiểu: -Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. Vận dụng: Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các				40

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
			phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề cần bàn luận. Vận dụng cao: - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về vấn đề. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh.				
Tỉ lệ				40%	30%	30%	100%
Tổng				100%			

(Đề có 01 trang)

I. PHẦN ĐỌC - HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Cảnh khuya

*Tiếng suối trong như tiếng hát xa,
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.
Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ,
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.*

1947

(Hồ Chí Minh, Thơ Hồ Chủ tịch, Sđd, tr.40)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. (0,75 điểm) Chỉ ra dấu hiệu để nhận biết thể thơ của văn bản.

Câu 2. (0,75 điểm) Nêu những hình ảnh thiên nhiên xuất hiện trong hai câu đầu bài thơ?

Câu 3. (1,0 điểm) Phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ so sánh được tác giả sử dụng trong câu thơ: *Tiếng suối trong như tiếng hát xa*.

Câu 4. (1,0 điểm) Tâm trạng của nhân vật trữ tình được thể hiện như thế nào trong văn bản?

Câu 5. (0,5 điểm) Từ bài thơ, anh/chị hãy nêu suy nghĩ bản thân về trách nhiệm của thế hệ trẻ hiện nay?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận về vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật trữ tình trong văn bản trên.

Câu 2. (4,0 điểm)

Có ý kiến cho rằng: *Người trẻ hôm nay có hàng trăm bạn bè trên mạng nhưng lại thiếu những cuộc trò chuyện thực sự với gia đình mình*.

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về việc tuổi trẻ cần làm gì để tìm lại sự kết nối với gia đình?

----- Hết -----

I. LƯU Ý CHUNG

1. Đáp án được xây dựng theo yêu cầu đánh giá năng lực nên giám khảo cần tập trung xem xét phương hướng và cách thức giải quyết vấn đề của thí sinh; chú ý đánh giá nội dung bài làm theo hướng mở, khuyến khích sáng tạo, tránh áp đặt.

2. Giám khảo tuân thủ đáp án, không tự xây dựng đáp án khác. Đối với những bài làm có ý tưởng riêng và cách diễn đạt, triển khai khác với đáp án, giám khảo cần xem xét tính thuyết phục của bài viết để chấm điểm hợp lý.

3. Khi chấm bài, giám khảo đánh giá bao quát cả nội dung và hình thức; phát hiện và chấm điểm đúng những bài viết có cá tính, sáng tạo, chân thực và trong sáng; trừ điểm phù hợp đối với bài mắc nhiều lỗi; đối với những câu trả lời sai hoặc không trả lời thì chấm điểm 0.

II. ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	- Dấu hiệu để nhận biết thể thơ của văn bản: Bài thơ gồm 4 câu, mỗi câu 7 chữ, tuân thủ niêm, luật của thơ Đường luật. - Bài thơ được viết theo thể thơ Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật/ Thất ngôn tứ tuyệt. <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Trả lời được như đáp án: 0,75 điểm - Trả lời đúng thể thơ: 0,5 điểm - Trả lời được dấu hiệu nhận biết: 0,5 điểm - Trả lời sai/ Không trả lời: 0 điểm	0,75
	2	Những hình ảnh thiên nhiên trong hai câu đầu: <i>suối, cổ thụ, trắng, hoa</i> <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Trả lời được như đáp án: 0,75 điểm - Trả lời 2 -3 hình ảnh: 0,5 điểm	0,75

		- Trả lời 1 hình ảnh: 0,25 điểm - Trả lời sai/ Không trả lời: 0 điểm <i>Lưu ý: HS viết câu thơ không cho điểm</i>	
	3	-Biện pháp tu từ <i>so sánh</i> : “Tiếng suối ” với “tiếng hát xa”(0,25) -Tác dụng (0,75): +Tăng tính cụ thể, sinh động, hấp dẫn, gợi hình, gợi cảm cho câu thơ. +Làm nổi bật vẻ đẹp của thiên nhiên: Tiếng suối không chỉ trong trẻo mà còn ngân vang, êm dịu, gần gũi thân quen như tiếng hát con người. +Qua đó thấy được vẻ đẹp tâm hồn, tình yêu thiên nhiên của Bác. <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Trả lời được như đáp án: 1,0 điểm - Phần tác dụng: Hs trả lời mỗi ý được 0,25 điểm <i>HS có cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa.</i>	1,0
	4	Tâm trạng của nhân vật trữ tình được thể hiện trong bài thơ: -Say mê, rung động trước vẻ đẹp thiên nhiên núi rừng Việt Bắc. -Thao thức, trăn trở vì vận mệnh đất nước. -Bình tĩnh, lạc quan trong hoàn cảnh kháng chiến. <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Trả lời được như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời được 2 ý: 0,75 điểm - Trả lời được 1 ý: 0,5 điểm - Trả lời sai hoặc không trả lời: 0 điểm <i>HS có cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa.</i>	1,0
	5	Học sinh nêu được suy nghĩ của bản thân phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. Sau đây là một vài gợi ý: + Không thờ ơ trước vận mệnh đất nước + Luôn đặt lợi ích chung lên lợi ích cá nhân. + Gắn kết tình yêu quê hương với tình yêu đất nước. + Chăm chỉ học tập, rèn luyện đạo đức...	0,5

		<i>Hướng dẫn chấm:</i> - Trả lời được như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời được 1 bài học vẫn cho: 0,5 điểm - Trả lời sai hoặc không trả lời: 0 điểm HS có thể nêu được bài học bằng nhiều hình thức khác nhau.	
II		VIẾT	6,0
		Qua bài thơ Cảnh khuya, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận về vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật trữ tình.	2,0
		Đoạn văn đáp ứng được các yêu cầu sau: a. Yêu cầu chung: Xác định đúng vấn đề nghị luận; đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng - Vấn đề nghị luận: vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật trữ tình. - Dung lượng: khoảng 150 chữ. - Hình thức: có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, phối hợp...	0,5
		b. Yêu cầu cụ thể: thí sinh triển khai đoạn văn theo trình tự hợp lí và sử dụng đúng các kĩ năng nghị luận.	1,5
	1	b1. Cảm nhận về vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật trữ tình. - Tâm hồn nghệ sĩ nhạy cảm, yêu thiên nhiên tha thiết (rung động trước tiếng suối, ánh trăng) - Tấm lòng vì nước, vì dân sâu nặng. Người thao thức không ngủ không phải vì cảnh đẹp mà vì “lo nỗi nước nhà”. - Sự hòa quyện giữa chất nghệ sĩ và chiến sĩ: vừa ung dung thưởng trăng, vừa canh cánh việc nước. Nghệ thuật: Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt, biện pháp tu từ so sánh, điệp từ, bút pháp tả cảnh ngụ tình...	1,0
		b2. Đánh giá: Bài thơ tiêu biểu cho phong cách thơ vừa cổ điển vừa hiện đại của Bác. Bài thơ không chỉ cho thấy sự hòa quyện giữa chất thi sĩ và chất chiến sĩ, mà còn khắc họa một tâm hồn lớn lao, cao cả, luôn đặt vận mệnh dân tộc lên trên hết.	0,25
		b3. Sáng tạo - Có những ý đột phá, vượt ra ngoài đáp án nhưng có sức thuyết phục. - Có cách diễn đạt tinh tế, độc đáo.	0,25

		HƯỚNG DẪN CHẤM a. Đối với yêu cầu chung: 0,5 điểm - Xác định được vấn đề nghị luận: 0,25 điểm - Bảo đảm yêu cầu về hình thức đoạn văn và dung lượng 150 ± 100 chữ: 0,25 điểm. Nếu không đáp ứng 1 trong 2 yêu cầu về hình thức hoặc dung lượng: 0 điểm. b. Đối với yêu cầu cụ thể: 1,5 điểm Giám khảo xem xét và chấm điểm bài làm của thí sinh theo các yêu cầu mà Đáp án đã nêu. Số điểm trong mỗi ý bao gồm cả yêu cầu về diễn đạt, trình bày. Cụ thể như sau: b1: 1,0 điểm - HS cảm nhận như Đáp án: 1,0 điểm - HS cảm nhận được 2 ý: 0,75 điểm - HS cảm nhận được 1 ý: 0,5 điểm b2: 0,25 điểm Đánh giá được 1 ý vẫn chấm 0,25 điểm. b3: 0,25 điểm Đáp ứng được 1 tiêu chí vẫn chấm 0,25 điểm Lưu ý: Trừ điểm mắc lỗi (diễn đạt, chính tả, dùng từ và viết câu): - Trừ 0,5 điểm nếu đoạn văn mắc từ 4 - 6 lỗi; - Trừ 0,75 điểm nếu đoạn văn mắc từ 7 - 8 lỗi; - Không chấm vượt quá 1,0 điểm của cả câu nếu đoạn văn mắc trên 8 lỗi	0,25
	2	Có ý kiến cho rằng: Người trẻ hôm nay có hàng trăm bạn bè trên mạng nhưng lại thiếu những cuộc trò chuyện thực sự với gia đình mình. Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) để trình bày suy nghĩ về việc tuổi trẻ cần làm gì để tìm lại sự kết nối với gia đình?	4,0
		Bài văn đáp ứng được các yêu cầu sau: a. Yêu cầu chung: Xác định đúng vấn đề nghị luận; đảm bảo yêu cầu về dung lượng và sử dụng bằng chứng. - Vấn đề nghị luận: tuổi trẻ cần làm gì để tìm lại sự kết nối với gia đình? - Dung lượng: khoảng 600 chữ.	1,0

		- Bằng chứng: từ thực tế đời sống.	
		<i>b. Yêu cầu cụ thể:</i> Thí sinh triển khai bài viết theo trình tự hợp lí và sử dụng đúng các kĩ năng nghị luận.	3,0
		<i>b1. Viết được mở bài và kết bài cho bài văn nghị luận xã hội.</i> - Mở bài: Giới thiệu được vấn đề nghị luận. - Kết bài: Khẳng định được vấn đề nghị luận.	0,5
		<i>b2. Giải thích được vấn đề nghị luận</i> - “Hàng trăm bạn bè trên mạng”: Sự kết nối ảo, nhanh chóng, dễ dàng nhưng có thể hời hợt. - “Thiếu những cuộc trò chuyện thực sự với gia đình”: Sự giảm sút trong giao tiếp trực tiếp, chia sẻ cảm xúc, thấu hiểu giữa các thành viên trong gia đình. ->Vấn đề đặt ra: Người trẻ đang có nguy cơ lệch chuẩn trong cách ưu tiên các mối quan hệ bên ngoài mà lơ là gia đình – nơi hình thành nhân cách và nuôi dưỡng tâm hồn.	0,25
		<i>b3. Thể hiện được quan điểm cá nhân và đưa ra được các lí lẽ, bằng chứng thuyết phục về cách ứng xử trong mỗi quan hệ được bàn luận.</i> <i>*Ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tuổi trẻ kết nối với gia đình.</i> - Nguồn yêu thương, điểm tựa tinh thần vững chắc. - Gia đình là nền tảng hình thành nhân cách, giá trị sống. - Kết nối gia đình giúp người trẻ cân bằng trong xã hội hiện đại. - Giữ gìn truyền thống và bản sắc. - Tạo động lực phấn đấu. - Thúc đẩy sự phát triển xã hội... (Dẫn chứng thực tế: trong học tập, cuộc sống) <i>*Quan điểm và đề xuất cách tuổi trẻ tìm lại sự kết nối với gia đình?</i> - <i>Quan điểm:</i> Sự kết nối với gia đình là nền tảng quan trọng cho sự phát triển toàn diện của người trẻ. Gia đình có vai trò hình thành nhân cách, nuôi dưỡng tâm hồn và bồi đắp giá trị sống. Trong thời đại công nghệ, việc duy trì sự gắn bó gia đình càng trở nên cần thiết... - <i>Đề xuất cách tuổi trẻ tìm lại sự kết nối với gia đình.</i> +Giảm thời gian phụ thuộc vào mạng xã hội, tăng thời gian cho gia đình.	1,25

		+Chủ động trò chuyện, chia sẻ suy nghĩ, khó khăn với cha mẹ. +Lắng nghe và thấu hiểu sự khác biệt thế hệ thay vì phản ứng nóng vội. +Giữ thái độ biết ơn và trân trọng +Tham gia các hoạt động chung: bữa cơm gia đình, việc nhà, dịp sum họp...	
		b4. Nêu được ý kiến trái chiều, phản bác bằng lập luận chặt chẽ, sắc bén. -Có người trẻ cho rằng khoảng cách gia đình là do sự khác biệt thế hệ, không thể thay đổi. -Người trẻ có quyền sống độc lập, không cần quá phụ thuộc vào gia đình. Khác biệt thế hệ là điều tự nhiên nhưng có thể thu hẹp bằng đối thoại và thấu hiểu, độc lập không đồng nghĩa với tách rời tình thân...	0,5
		b5. Sáng tạo. - Có những ý đột phá, vượt ra ngoài đáp án nhưng có sức thuyết phục. - Có cách diễn đạt độc đáo	0,5
		HƯỚNG DẪN CHẤM a. Đối với yêu cầu chung: 1,0 điểm - Xác định đúng vấn đề nghị luận: 0,25 điểm - Bảo đảm yêu cầu về dung lượng 600 ± 200 chữ: 0,25 điểm - Bảo đảm yêu cầu về bằng chứng: + Thuyết phục, bao quát các khía cạnh của vấn đề nghị luận: 0,5 điểm + Có sử dụng bằng chứng từ đời sống : 0,25 điểm b. Đối với yêu cầu cụ thể: 3,0 điểm Giám khảo xem xét và chấm điểm bài làm của thí sinh theo các yêu cầu mà Đáp án đã nêu. Số điểm trong mỗi ý bao gồm cả yêu cầu về diễn đạt, trình bày. Cụ thể như sau: b1: 0,5 điểm - Biết dẫn dắt và nêu vấn đề nghị luận: 0,25 điểm - Biết khẳng định vấn đề nghị luận: 0,25 điểm b2: 0,25 điểm b3: 1,25 điểm -Ý 1: 0,5 điểm -Ý 2: 0,75 điểm	

		b4: 0,5 điểm b5: 0,5 điểm - Ý mới có sức thuyết phục: 0,25 điểm - Diễn đạt tinh tế, độc đáo: 0,25 điểm <i>*GV linh hoạt cho điểm nếu thấy hợp lí.</i> Lưu ý: <i>Trừ điểm mắc lỗi (diễn đạt, chính tả, dùng từ và viết câu):</i> - Trừ 0,5 điểm nếu bài văn mắc từ 6 - 8 lỗi; - Trừ 1,0 điểm nếu bài văn mắc từ 9 - 12 lỗi; - Không chấm quá 2,0 điểm của cả câu nếu bài văn mắc trên 12 lỗi.	
Tổng điểm			10,0

.....Hết.....